

1. NHẬN DIỆN

Tên Sản Phẩm	Spic and Span® Disinfecting All-Purpose Spray and Glass Cleaner - Ready to Use
(Các) Mã Sản Phẩm	3-00
Định danh sản phẩm	92157794_PROF_NG
Product Type:	Thành phẩm - Chuyên nghiệp.
Công Dụng Đề Nghị	Sát trùng.
Các giới hạn sử dụng	Chỉ sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn.
Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu	Procter & Gamble Professional 1 P&G Plaza Cincinnati, Ohio 45202 Procter & Gamble Inc. P.O. Box 355, Station A Toronto, ON M5W 1C5 1-800-332-7787
Địa Chỉ Email	pgsds.im@pg.com
Số Điện Thoại Khẩn Cấp	Transportation (24 HR) CHEMTREC - 1-800-424-9300 (U.S./ Canada) or 1-703-527-3887 Mexico toll free in country: 800-681-9531

2. NHẬN DIỆN HIỂM HỌA

Sản phẩm này được phân loại theo 29CFR 1910.1200 (d) và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada như sau:.

Không được phân loại. Vật liệu này không được xem là nguy hiểm theo Tiêu Chuẩn Về Thông Báo Hiểm Họa (Hazard Communication Standard) của OSHA (29 CFR 1910.1200).

Tiêu ngữ hiểm họa	Không có
Các hình đồ hiểm họa	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ	Không có

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần được liệt kê theo 29CFR 1910.1200 Phụ lục D và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada

Tên Hóa Chất	Từ đồng nghĩa	Bí mật thương mại	Số CAS	% trọng lượng
Butoxydiglycol	Butoxydiglycol	Có	112-34-5	0.5 - 1.5

Thông tin thêm Nồng độ thực tế được giữ lại làm bí mật thương mại theo HPR của Canada

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau

Tiếp xúc với mắt	Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu tiếp tục bị kích ứng.
Tiếp xúc với da	Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.
Ăn phải	Uống 1 hoặc 2 ly nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu triệu chứng xuất hiện.
Hít phải	Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu vẫn còn triệu chứng, gọi bác sĩ.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

F. Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Bác Sĩ Cần Lưu Ý Điều trị triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất chữa cháy phù hợp	Hóa chất khô, CO2, bọt chịu alcol hoặc nước xịt. Hóa chất khô. Bọt chịu alcol.
Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp	Không có.
Hiểm Họa Đặc Biệt	Chưa được biết.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Như trong mọi trường hợp cháy, phải sử dụng thiết bị thở độc lập cấp áp theo yêu cầu, có MSHA/NIOSH (phê chuẩn hoặc tương đương) và đầy đủ phụ tùng bảo hộ.
Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất	Không có.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân	Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Không để dính vào mắt, da, hoặc quần áo.
Hướng dẫn cho nhân viên ứng cứu khẩn cấp	Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.
Các cảnh báo về môi trường	Tránh xa các kênh rạch Không xả sản phẩm vào các vùng nước tự nhiên mà không xử lý trước hoặc pha loãng thỏa đáng

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó. Ngăn không để cho sản phẩm xâm nhập vào cống rãnh. Ngăn ngừa tiếp tục

rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn.

Các phương pháp làm sạch

Ngăn chặn và thu gom lượng tràn đổ bằng các vật liệu thấm hút không cháy, (ví dụ như cát, đất, bột diatomit, chất khoáng bón cây) rồi cho vào dụng cụ đựng để thải bỏ theo các quy định của địa phương / quốc gia (xem mục 13).

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Hướng dẫn thao tác an toàn

Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Đóng kín dụng cụ đựng khi không sử dụng. Không bao giờ cho chất đã tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Giữ xa tầm tay của trẻ em.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Các Điều Kiện Bảo Quản

Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt.

Sản phẩm không tương thích

Chưa được biết.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số quản lý

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc

Tên Hóa Chất	Số CAS	TLV của ACGIH	OSHA PEL	Mexico PEL
Butoxydiglycol	112-34-5	TWA: 10 ppm inhalable fraction and vapor		

Tên Hóa Chất	Số CAS	Alberta	Quebec	Ontario TWAEV	British Columbia
Butoxydiglycol	112-34-5			TWA: 10 ppm	

Không có hướng dẫn phơi nhiễm liên quan cho các thành phần khác

Quản lý phơi nhiễm

Biện Pháp Kỹ Thuật

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Bảo đảm thông khí đầy đủ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Nếu hợp lý có thể thực hiện được điều này bằng cách sử dụng thông gió hút cục bộ và hệ thống hút gió tổng tốt

Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Bảo Vệ Mắt

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng bảo hộ mắt thích hợp

Bảo Vệ Tay

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Găng tay bảo hộ

Bảo Vệ Da và Cơ Thể

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:

Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý	Chất lỏng	
Ngoại quan	xanh dương nhạt	
Mùi	Có mùi thơm	
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin	
<u>Tính chất</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Nhận Xét</u>
pH	10.4 - 11.2	
Điểm chảy / điểm đông	Không có thông tin	
Điểm sôi / vùng nhiệt độ sôi	Không có thông tin	
Điểm chớp cháy	> 93.3 °C / > 200 °F	.
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin	
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin	
Các Giới Hạn Khả Năng Cháy trong Không Khí		
Giới hạn cháy hoặc nổ trên	Không có thông tin	
Giới hạn cháy hoặc nổ dưới	Không có thông tin	
Áp suất hơi	Không có thông tin	
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin	
Tỷ trọng tương đối	1.00	
Độ tan trong nước	100%	
Hệ số phân tách	Không có thông tin	
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin	.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin	.
Độ nhớt	< 10 cps	
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Sản phẩm tuân thủ các quy định của tiểu bang và liên bang Hoa Kỳ về nội dung VOC trong các sản phẩm tiêu dùng.	

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.
Độ bền	Bền trong các điều kiện thông thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các Phản Ứng Nguy Hiểm	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các điều kiện cần Tránh	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các vật liệu không tương thích	Không có gì đặc biệt.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông Tin Về Sản Phẩm

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Hít phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với mắt	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng lâu dài do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Độc tính cấp tính	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn mòn/kích ứng da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tổn thương nặng/kích ứng mạnh cho mắt	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Thần Kinh	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính sinh sản	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính tăng trưởng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây dị tật cho thai nhi	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc một lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Cơ Quan Đích	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Hiểm họa hít phải qua miệng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây ung thư	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

Thông Tin Về Thành Phần

Tên Hóa Chất	Số CAS	LD50 (liều bán tử) qua miệng	LD50 (liều bán tử) qua da	LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp
Butoxydiglycol	112-34-5	2410 mg/kg bw (Similar to OECD 401; mouse)	2764 mg/kg bw (Similar to OECD 402; rabbit)	> 14.48 mg/L (Guideline not indicated; rat)

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Sản phẩm không được cho là gây nguy hại cho môi trường.

Độ bền vững và độ phân hủy	Không có thông tin.
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin.
Khả năng di chuyển	Không có thông tin.
Các tác động có hại khác	Không có thông tin.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp xử lý chất thải

Chất Thải của Phần Dư/Sản Phẩm Chưa Sử Dụng	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
Bao bì đã bị nhiễm	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
Mã chất thải nguy hại California (thiết lập phi hộ gia đình)	331

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

<u>DOT</u>	Không được quy định
<u>IMDG</u>	Không được quy định
<u>IATA</u>	Không được quy định

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

CÁC QUY ĐỊNH CỦA LIÊN BANG HOA KỲ

SARA 313

Mục 313 Tiêu Đề III của Đạo Luật Sửa Đổi và Tái Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia (Superfund) năm 1986 (Superfund Amendments and Reauthorization Act-SARA). Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều hóa chất phải thực hiện các yêu cầu về báo cáo của Đạo Luật và Tiêu Đề 40 của Bộ Luật Liên Bang, Phần 372

CERCLA

Vật liệu này, như khi được cung cấp, không chứa chất nào được quy định là chất nguy hiểm theo Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường - Comprehensive Environmental Response Compensation and Liability Act (CERCLA) (40 CFR 302) hoặc Đạo Luật Sửa Đổi và Tái Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia Superfund (SARA) (40 CFR 355). Có thể có các yêu cầu báo cáo riêng của cấp địa phương, khu vực, hoặc tiểu bang về việc phóng thích vật liệu này.

Đạo luật về Không khí Sạch, Phần 112 Chất gây ô nhiễm Không khí Nguy hại (HAP) (xem 40 CFR 61)

Sản phẩm này có chứa (các) chất sau đây được liệt kê hoặc là chất gây ô nhiễm không khí nguy hại (HAPS) hoặc là hợp chất hữu cơ dễ bay hơi VOC theo Đạo luật Không khí Sạch:

Đạo Luật Bảo Vệ Nước

Sản phẩm này không chứa chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm theo đạo Luật Bảo Vệ Nước (Clean Water Act - 40 CFR 122.21 và CFR 122.42).

Đề Nghị số 65 của California

Sản phẩm này không phải ghi nhãn cảnh báo theo Dự luật 65 của California.

Quy định của Nhà nước Hoa Kỳ (RTK)

.

Các Danh Mục Quốc Tế

HOA KỲ

Tất cả các thành phần được thêm vào có chủ ý của (các) sản phẩm này được liệt kê trên TSCA Inventory của Hoa Kỳ

Canada

Sản phẩm này tuân thủ Đạo luật bảo vệ môi trường Canada để nhập khẩu bởi P&G

Chú giải

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

CEPA - Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada

FIFRA

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu

cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin nguy hại được yêu cầu trong Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), và trong việc ghi nhãn ở nơi làm việc cho các hóa chất không phải thuốc trừ sâu. Thông tin nguy hại phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được ghi lại dưới đây. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, như hướng dẫn sử dụng.

Số đăng ký EPA: 6836-245

CÂN THẬN

Gây kích ứng mắt

16. THÔNG TIN KHÁC

Xếp hạng theo HMIS (Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm)	–
Hiểm họa cho sức khỏe	1
Khả Năng Cháy	1
Hiểm họa vật lý	1

Xếp Hạng Theo NFPA (Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia)	
Hiểm họa cho sức khỏe	1
Khả Năng Cháy	1
Tính không bền	1

Ngày Ban Hành: 15-Thg1-2015

Ngày sửa đổi 03-Thg3-2020

Tuyên bố miễn trách.

Thông tin cung cấp trong Bản Thông tin an toàn này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc phiếu an toàn hóa chất